

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2024

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Biên.
2. Bà Nguyễn Thị Xoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2024/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Thôn XXX, xã TL, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Quang P, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn YYY, xã TL, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Bùi Quang P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 29-11-2013 tại UBND xã Thăng Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn). Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống cùng với bố của anh P tại thôn Trung Hòa, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vì bố mẹ đẻ của anh P đã chết. Một thời gian sau vợ chồng chị xây một căn nhà cấp bốn ở ngay bên cạnh nhà bố và dọn ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một khoảng thời gian thì

bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh P chơi bời, nghiện hút và không chịu làm ăn kinh tế để chăm lo cho cuộc sống chung của vợ chồng. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P không nghe mà còn đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đến tháng 9 năm 2014 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Tống Long, xã Thăng Long để sinh sống. Hai bên gia đình khuyên nhủ nên chị đã đồng ý quay về chung sống cùng anh P. Tuy nhiên, anh P không chịu thay đổi vẫn ham chơi, nghiện ngập. Cuối năm 2015 chị lại chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xã Thăng Long. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Anh P không sang đón chị về nhà và cũng không mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị đề nghị được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Bùi Bảo N, sinh ngày 10-07-2014. Cháu N hiện đang cùng sinh sống và được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện chị lao động tự do có thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000đ đến 9.000.000đ. Điều kiện làm việc thoải mái nên chị có nhiều thời gian để chăm sóc và đưa đón con đi học. Hiện chị và cháu N đang sinh sống cùng với bố mẹ chị, ông bà rảnh rỗi có nhiều thời gian để hỗ trợ chị chăm sóc con chung. Anh P nghiện ma túy và không có công việc ổn định, bố mẹ của anh đã chết. Từ khi vợ chồng ly thân, anh P chưa từng đến thăm hay cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con nên chị đề nghị tòa án được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo N. Chị tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con với chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Bùi Quang P đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Biên bản xác minh với trưởng khu dân cư Trung Hòa, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn: Anh Bùi Quang P và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị cùng về sinh sống tại nhà bố của anh P là bà Bùi Thị Thoa tại thôn Trung Hòa, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn. Chung sống được một khoảng thời gian bà Thoa cho vợ chồng anh P ra ở riêng ở nhà bên cạnh. Vợ chồng anh P chung sống hòa thuận được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo thông tin tại địa phương anh P nghiện ma túy, chơi bời, thường xuyên không ở nhà, thỉnh thoảng mới có mặt tại địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không biết được. Chị L đã dọn về nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn Tống Long, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn để sinh sống, vợ chồng ly thân. Anh chị ấy có 01 con chung là Bùi Bảo N, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Chị L có công việc ổn định và ở cùng bố mẹ đẻ nên có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nay chị L xin ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho cháu N.

Biên bản xác minh với trưởng công an xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương: Theo thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thể hiện anh Bùi Quang P, sinh năm 1993, hiện đang có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Trung Hòa, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Biên ghi lời khai của bà Phạm Thị B (mẹ đẻ chị Nguyễn Thị L): Anh Bùi Quang P và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo luật định. Do bố mẹ của anh P đã chết nên sau khi kết hôn vợ chồng chị L cùng chung sống với bà Bùi Thị Thoa (bá ruột của anh P) tại thôn Trung Hòa, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống được một thời gian, bà Thoa xây cho vợ chồng anh P một căn nhà cấp 4 ở ngay bên cạnh để anh chị dọn ra ở riêng. Anh P thường xuyên chơi bời, không chịu tu chí làm ăn. Ngoài ra anh còn nghiện ngập và thường đánh chị L. Năm 2014 do không chịu đựng được nữa nên chị L đã đem con chung là cháu N chuyển về sinh sống cùng vợ chồng bà, vợ chồng ly thân. Anh P không sang thăm con và cũng không sang đón chị L quay về. Vợ chồng bà đã nhiều lần khuyên giải anh chị quay về đoàn tụ để cùng chăm sóc nuôi dưỡng con chung nhưng chị L không đồng ý và xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị L xin ly hôn với anh P, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị L có 01 con chung là cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 10-07-2014. Hiện cháu N đang ở cùng với mẹ và vợ chồng bà. Nay anh chị ly hôn, bà đề nghị chị L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N để cuộc sống của cháu ổn định, không xáo trộn. Vợ chồng bà sẽ tạo điều kiện tốt nhất để hỗ trợ chị L nuôi dưỡng con chung.

Biên ghi lời khai của bà Bùi Thị T (bá của anh Bùi Quang P): Bố mẹ đẻ của anh Bùi Quang P chết khi anh 12 tuổi. Vì vậy bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh P trưởng thành và lập gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh P cùng nhau chung sống với bà tại thôn Trung Hòa, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Một thời gian sau bà xây cho vợ chồng anh P một căn nhà cấp 4 ở ngay bên cạnh để anh chị dọn ra ở riêng. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L tự ý dọn về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Tống Long, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn để sinh sống. Thời gian cụ thể bà không nhớ rõ. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng anh chị bà không biết. Hiện nay vợ chồng chị L đã ly thân không còn chung sống với nhau. Bà được biết anh P đang đi làm xây, thỉnh thoảng mới về nhà. Vợ chồng chị L có 01 con chung là cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 10-07-2014. Hiện cháu N đang ở cùng và được chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay vợ chồng anh chị ly hôn, đề nghị tòa án giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Quang P.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Bảo N, sinh ngày 10-07-2014 cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn đối với anh Bùi Quang P đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Trung Hòa, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Bùi Quang P đã được tòa án triệu tập hợp lệ, chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh P đã được triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Quang P kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh P chơi bời và không chịu làm ăn kinh tế để chăm lo cho cuộc sống chung của vợ chồng. Chị L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P không thay đổi mà còn đánh chị. Vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. **Hiện tại** anh chị đã **sống** ly thân từ cuối năm 2015, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Anh P không mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ và cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị sống ly thân, vợ chồng có mâu thuẫn. Như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng chị L, anh P vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Bảo N, sinh ngày 10-07-2014. Cháu N hiện đang cùng sinh sống và được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N phát triển bình thường và khỏe mạnh có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Theo xác minh chị L hiện đang sinh sống cùng với bố mẹ tại thôn Tống Long, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn. Điều kiện làm việc tự do thời gian, thu nhập ổn định nên có nhiều thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bố mẹ đẻ chị L nhàn rỗi có thêm thời gian hỗ trợ chị chăm sóc con chung giúp chị. Anh P công việc không ổn định, thường xuyên đi làm xa không có mặt tại địa phương. Bố mẹ của anh P đã chết. Từ khi vợ chồng ly thân, anh P chưa từng đến thăm hay cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị L có đủ điều kiện về thời gian, điều kiện về vật chất đảm bảo sự phát triển lâu dài cho cháu N, phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên giao con cho chị L là chính đáng, việc giao con cho anh P không đảm bảo được quyền lợi cho con chung.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L giao cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Bùi Bảo N, sinh ngày 10-07-2014 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Chị L và anh P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thị xã Kinh Môn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Bùi Quang P.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Bảo N, sinh ngày 10-07-2014 cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ

18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Anh Bùi Quang P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị L đã nộp là 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số BLTU/23/0002480 ngày 24-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Quang P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Thăng Long(ghi sổ hộ tịch) .
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu Hằng